

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-10-2019
V/v tranh chấp về xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điền

Bà Đinh Thị Kiều Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp về xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh NDT; địa chỉ: Số 67 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị BTT; địa chỉ: Số 8B/118 D, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh NLQ; địa chỉ: Số 8B/118 D, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh NDT trình bày:

Anh NDT và chị BTT quen biết và có quan hệ nam nữ với nhau như vợ chồng từ năm 2017. Ngày 15/10/2018 chị BTT sinh con gái tại Bệnh viện Phụ sản F. Anh NDT và chị BTT đặt tên con là G (tên giả định). Tuy nhiên, thời điểm chị BTT sinh cháu G, chị BTT vẫn đang có quan hệ hôn nhân với anh NLQ. Để có căn cứ xác định cháu G là con đẻ của mình, anh NDT đã làm thủ tục xét nghiệm ADN tại Công ty Cổ phần dịch vụ H (gọi tắt là Công ty H). Tại phiếu kết quả phân tích ADN, ngày 01/4/2019 của Công ty H đã kết luận: Cháu G (tên giả định), sinh ngày 15/10/2018 là con đẻ của anh NDT nên anh NDT đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố cháu G là con đẻ của anh.

Tại Bản tự khai đề ngày 23/5/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị BTT trình bày:

Tôi và anh NDT quen biết và có quan hệ nam nữ với nhau như anh NDT trình bày là đúng. Ngày 15/10/2018 tôi sinh con gái và đặt tên con là G (tên giả định). Tuy nhiên tại thời điểm tôi sinh cháu G thì tôi vẫn đang còn trong thời kỳ hôn nhân với anh NLQ mặc dù anh NLQ đã biệt tích nhiều năm và Tòa án đã tuyên bố anh NLQ mất tích. Như vậy, về pháp lý cháu G vẫn là con chung giữa tôi và anh NLQ. Nhưng thực tế cháu G là con chung giữa tôi và anh NDT. Nay, anh NDT đề nghị Tòa án tuyên bố cháu G là con đẻ của anh NDT, tôi xác nhận đúng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh NLQ mất tích, vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố cháu G (tên giả định) do chị BTT sinh ngày 15 tháng 10 năm 2018 là con đẻ của anh NDT. Về án phí: Anh NDT được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh NLQ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy anh NDT và chị BTT có quan hệ nam nữ với nhau như vợ chồng từ năm 2017. Ngày 15/10/2018 chị BTT sinh con gái tại Bệnh viện Phụ sản F (theo Giấy chứng sinh số 1815, quyển số 20 ngày 15/10/2018 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản F, thành phố Hải Phòng). Anh NDT và chị BTT đặt tên con là G (tên giả định). Tuy nhiên, vào thời điểm chị BTT sinh cháu G, chị BTT vẫn đang còn quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh NLQ. Do vậy, về pháp lý, cháu G vẫn là con chung của chị BTT và anh NLQ. Nhưng trên thực tế, anh NLQ đã biệt tích nhiều năm và Tòa án đã tuyên bố anh NLQ mất tích (Quyết định số: 07/2018/QĐST-DS ngày 01/10/2018 về việc tuyên bố một người mất tích của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng). Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định Trưng cầu giám định số: 01/2019/QĐ-TCGD ngày 12/8/2019 thực hiện giám định: Cháu G, do chị BTT sinh ngày 15/10/2018 có phải là con đẻ của anh NDT hay không? Căn cứ Kết luận giám định số 80/2019/GĐSH ngày 16/8/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Anh NDT là bố đẻ của cháu G (*độ tin cậy: PI > 99%*)./. Như vậy, việc anh NDT yêu cầu Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh NDT được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Xác định anh NDT là cha đẻ của cháu G (tên giả định), giới tính nữ, do chị BTT sinh ngày 15 tháng 10 năm 2018 (theo Giấy chứng sinh số 1815, quyển số 20 ngày 15/10/2018 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản F, thành phố Hải Phòng).

2. Anh NDT và chị BTT có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về án phí: Anh NDT được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.00 đồng, tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008171 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND P.D, Q.E, Hải Phòng;
- UBND P.B, Q.C, Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hường